|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1.** | **Thông tin học phần** | |
|  | **Tên học phần:** | **KINH TẾ VI MÔ NÂNG CAO**  **Advanced Microeconomics** |
|  | **Mã số:** | ECS505 |
|  | **Thời lượng:** | 2(2-0) |
|  | **Loại:** | Bắt buộc |
|  | **Trình độ đào tạo:** | Thạc sĩ |
|  | **Đáp ứng CĐR:** | 2, 3 |
|  | **Học phần tiên quyết:** | Không |
|  | **Giảng viên biên soạn:** | TS. Phạm Hồng Mạnh |
|  | **Bộ môn quản lý:** | Kinh tế học |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.** | **Mô tả** |
|  | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về lý thuyết sản xuất và tiêu dùng trong thị trường cạnh tranh, thị trường độc quyền; các quyết định kinh doanh thông qua phân tích lý thuyết trò chơi; lý thuyết về những biến dạng của thị trường như thông tin bất cân xứng, hàng hóa công, ngoại tác; và vận dụng các lý thuyết kinh tế để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cũng như làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành. |

|  |  |
| --- | --- |
| **3.** | **Mục tiêu** |
|  | Mục tiêu của học phần này nhằm trang bị cho học viên: các nguyên lý của kinh tế vi mô vận dụng trong thực tiễn quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh; khả năng áp dụng các kiến thức của môn học để phân tích và đánh giá các vấn đề chính sách công và các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn sản xuất kinh doanh; khả năng sử dụng kiến thức nền tảng của kinh tế học vi mô cho các môn học chuyên ngành. |

|  |  |
| --- | --- |
| **4.** | **Kết quả học tập mong đợi** |
|  | Sau khi học xong học phần, học viên có thể: |
| 1) | Hiểu rõ các khái niệm, nguyên lý và phương pháp phân tích lý thuyết của kinh tế học vi mô, ý nghĩa và vai trò nền tảng của nó đối với chuyên ngành đào tạo. |
| 2) | Sử dụng các kiến thức để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề về chính sách kinh tế, chính sách kinh doanh của doanh nghiệp . |
| 3) | Sử dụng các kiến thức được trang bị để có thể học tập tốt các môn chuyên ngành. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **5.** | **Nội dung** | | | |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nhằm đạt KQHT** | **Số tiết** | |
| **LT** | **TH** |
| 1  1.1  1.2  1.3 | **Lý thuyết về người sản xuất**  Lý thuyết sản xuất  Lý thuyết chi phí  Tối đa hóa lợi nhuận và đường cung cạnh tranh | 1, 3 | 4 | 0 |
| 2  2.1  2.2  2.3  2.4 | **Lý thuyết về người tiêu dùng**  Đường cầu thông thường và đường cầu bù đắp  Tác động thay thế và tác động thu nhập - Phương trình Slucky  Phân tích các chương trình trợ cấp  Phân tích mô hình đường cung lao động | 1, 2, 3 | 4 | 0 |
| 3  3.1  3.2  3.3  3.4 | **Phân tích thị trường cạnh tranh**  Thặng dư của người tiêu dùng và của người sản xuất  Phân tích chính sách kiểm soát giá  Phân tích chính sách thuế và trợ cấp  Phân tích chính sách ngoại thương | 1, 3 | 5 | 0 |
| 4  4.1  4.2  4.3  4.4  4.5 | **Định giá khi có thế lực thị trường**  Thặng dư của người tiêu dùng khi có thế lực độc quyền  Giá cả phân biệt (giá cả phân biệt cấp 1, 2, 3)  Phân biệt giá cả theo thời điểm và định giá cho lúc cao điểm  Giá cả 2 phần  Giá gộp | 1, 2 | 4 | 0 |
| 5  5.1  5.2  5.3  5.4  5.5  5.6 | **Lý thuyết trò chơi và chiến lược cạnh tranh**  Trò chơi hợp tác và không hợp tác  Chiến lược ưu thế  Cân bằng Nash  Các trò chơi lặp lại và hợp tác  Các trò chơi tuần tự và lợi thế của người đi trước  Ngăn chặn gia nhập ngành | 1, 2 | 5 | 0 |
| 6  6.1  6.2  6.3  6.4  6.5  6.6 | **Thị trường với thông tin bất cân xứng**  Sự không chắc chắn về chất lượng và thị trường hàng hóa cũ  Thị trường bảo hiểm và tâm lý ỷ lại  Phát tín hiệu cho thị trường  Trở ngại về tâm lý  Vấn đề người ủy nhiệm, người tác nghiệp  Thông tin không cân xứng trên thị trường lao động: lý thuyết hiệu quả tiền lương | 1, 2 | 4 | 0 |
| 7  7.1  7.2  7.3  7.4  7.5  7.6 | **Ngoại tác và hàng hóa công**  Ngoại tác  Các biện pháp can thiệp của chính phủ nhằm đạt hiệu quả  Định lý Coase và các điều kiện áp dụng  Những tài nguyên sở hữu chung  Hàng hóa công  Cung cấp hiệu quả hàng hóa công | 1, 2, 3 | 4 | 0 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **6.** | **Học liệu** |  |
| 1) | Robert S. Pindyck và Daniel L. Rubinfeld (2009), *Economics*, 7th, Prentice-Hall International, Inc., 2009. | |
| 2) | N. Gregory Mankiw (2000), *Nguyên lý kinh tế học (Ấn bản lần thứ 3)*, Nhà xuất bản South-Western. | |
| 3) | Geoffrey A. Jehle, Philip J. Reny. (2011), *Advance microeconomics theory 3th*, NXB. Pearson Education Limite. | |
| 4) | Hal R. Varian. (2010*), Intermediate Microeconomics – A modern approach*, W. W. Norton & Company, Inc. | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **7.** | **Kiểm tra và Đánh giá** | | |
| **TT** | **Hình thức kiểm tra, đánh giá** | **Nhằm đạt KQHT** | **Trọng số (**%) |
| 1 | Kiểm tra thường xuyên (lớp < 15 HV), (vấn đáp)  Hoặc kiểm tra giữa kỳ (lớp > 15 HV), (viết) | 1 | 10 |
| 2 | Đồ án học phần | 1, 2 | 20 |
| 3 | Thi kết thúc học phần (viết) | 1, 2 | 70 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giảng viên biên soạn:** | | |
| **Họ và tên** | **Chức danh, học vị** | **Chữ ký** |
| Phạm Hồng Mạnh | Tiến sĩ |  |
| **Ngày cập nhật cuối cùng: 27/01/2015** | | |